

Số: 48/2017/QĐST-HNGĐ

Hà Trung, ngày 14 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 44/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Nguyên N; sinh năm 1990.

Bị đơn: Anh Đặng Văn L; sinh năm 1987.

Đều trú tại: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 3, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 6; khoản 7, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06/7/2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06/7/2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị Nguyên N và anh Đặng Văn L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Lê Thị Nguyên N và anh Đặng Văn L có ba con chung, các cháu tên là Đặng Lương C, sinh ngày 27/8/2012, Đặng Bảo S, sinh ngày 22/11/2014 và Đặng Ánh M, sinh ngày 14/12/2016. Chị N và anh L thoả thuận, chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, cháu S và cháu M, anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung

cùng chị N mỗi tháng mỗi cháu là 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*), ba cháu là 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2017 cho đến khi các cháu C, S và M đủ 18 tuổi.

Anh L có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai đ-ợc cản trở.

Kể từ khi chị N có đơn yêu cầu thi hành án phần cấp dưỡng nuôi con nếu chưa thi hành án, anh L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền và thời gian chưa thi hành án. Khoản tiền lãi chậm thi hành được tính bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- **Về án phí:** Chị Lê Thị Nguyên N và anh Đặng Văn L thỏa thuận chị Nhung chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) vào tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng định kỳ là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nh-ng đ-ợc trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị Nhung đã nộp theo biên lai thu số AA/2015/0004651 ngày 14/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ-ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đ-ơng sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Thi hành án dân sự;
- L- u hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Văn Hồng

